TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ** **TỈNH QUẢNG TRỊ** Số: 87/2024/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Đông Hà, ngày 21 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 118/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Lê Thị Bích H, sinh năm 1984 và anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1982; cùng địa chỉ: Khu phố A, Phường B, thành phố C, tỉnh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị vào ngày 06/12/2017. Vợ chồng có một khoảng thời gian chung sống hòa thuận, yêu thương, tôn trọng nhau. Sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Lê Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T không còn tình cảm nên thống nhất với nhau về việc ly hôn.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung: Vợ cH có 01 con chung là Nguyễn Văn Chiến Q, sinh ngày 11/7/2018. Chị H và anh T thỏa thuận giao cháu Quyết cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2024 cho đến khi cháu Q thành niên và có khả năng tự lao động.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị Bích H thỏa thuận chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T*(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 203 ngày 06/12/2017 của Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị).*

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Chiến Q, sinh ngày 11/7/2018 cho chị Lê Thị Bích Htrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Văn Chiến Q mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2024 cho đến khi cháu Nguyễn Văn Chiến Q thành niên và có khả năng tự lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị Bích H thỏa thuận chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000340 ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Chị Lê Thị Bích H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- Chi cục THADS TP. Đông Hà;
- UBND Phường 5, TP Đông Hà;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Vũ Xuân